



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ABS-DVCK25

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 08/2025**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty CP chứng khoán An Bình xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BED			BED
10	BKC			BKC
11	BPC			BPC
12	BSC			BSC
13	BTW			BTW
14	BVS			BVS
15	BXH			BXH
16	CAP			CAP
17	CCR			CCR
18	CDN			CDN
19	CEO			CEO
20	CIA			CIA
21	CKV			CKV
22	CLH			CLH
23	CLM			CLM

24	CMS			CMS
25	CPC			CPC
26	CSC			CSC
27	CTB			CTB
28	CTT			CTT
29	CX8			CX8
30	D11			D11
31	DAD			DAD
32	DAE			DAE
33	DC2			DC2
34	DHP			DHP
35	DHT			DHT
36	DL1			DL1
37	DNC			DNC
38	DNP			DNP
39	DP3			DP3
40	DTD			DTD
41	DTK			DTK
42	DVM			DVM
43	DXP			DXP
44	EBS			EBS
45	EID			EID
46	GDW			GDW
47	GIC			GIC
48	GMX			GMX
49	HAD			HAD
50	HAT			HAT
51	HBS	HBS		
52	HCC			HCC
53	HGM			HGM
54	HHC			HHC
55	HJS			HJS
56	HLC			HLC
57	HMR			HMR
58	HTC			HTC
59	HUT			HUT
60	HVT			HVT
61	IDC			IDC
62	IDV			IDV
63	INC			INC

64	INN			INN
65	IPA			IPA
66	IVS			IVS
67	KMT			KMT
68	KSF			KSF
69	KST			KST
70	L14			L14
71	LAS			LAS
72	LHC			LHC
73	LIG			LIG
74	MBS			MBS
75	MCC			MCC
76	MCF			MCF
77	MCO			MCO
78	MDC			MDC
79	MEL			MEL
80	MKV			MKV
81	MVB			MVB
82	NAG			NAG
83	NAP			NAP
84	NBC			NBC
85	NBW			NBW
86	NET			NET
87	NFC			NFC
88	NSH			NSH
89	NST			NST
90	NTH			NTH
91	NTP			NTP
92	PBP			PBP
93	PCE			PCE
94	PCH			PCH
95	PCT			PCT
96	PDB			PDB
97	PGN	PGN		
98	PGS			PGS
99	PIA			PIA
100	PIC			PIC
101	PLC			PLC
102	PMB			PMB
103	PMC			PMC

104	PMP			PMP
105	PMS			PMS
106	POT	POT		
107	PPP			PPP
108	PPS			PPS
109	PPY			PPY
110	PRC			PRC
111	PRE			PRE
112	PSC			PSC
113	PSD			PSD
114	PSE			PSE
115	PSI			PSI
116	PSW			PSW
117	PTS			PTS
118	PVB			PVB
119	PVC			PVC
120	PVG			PVG
121	PVI			PVI
122	PVS			PVS
123	QHD			QHD
124	QST			QST
125	RCL			RCL
126	S55			S55
127	S99			S99
128	SAF			SAF
129	SCG			SCG
130	SCI	SCI		
131	SD5			SD5
132	SD9			SD9
133	SDC			SDC
134	SDN			SDN
135	SEB			SEB
136	SED			SED
137	SGC			SGC
138	SHE			SHE
139	SHN			SHN
140	SHS			SHS
141	SJ1			SJ1
142	SJE			SJE
143	SLS			SLS

144	SMN			SMN
145	STC			STC
146	SVN			SVN
147	SZB			SZB
148	TA9			TA9
149	TDT			TDT
150	TET			TET
151	THD			THD
152	THS			THS
153	THT	THT		
154	TMB			TMB
155	TMC			TMC
156	TNG			TNG
157	TOT			TOT
158	TPP			TPP
159	TSB			TSB
160	TTC			TTC
161	TTT			TTT
162	TV4			TV4
163	TVD			TVD
164	UNI			UNI
165	V12			V12
166	VBC			VBC
167	VC3			VC3
168	VC6			VC6
169	VC7			VC7
170	VCC			VCC
171	VCS			VCS
172	VGS			VGS
173	VHE			VHE
174	VIF			VIF
175	VMS			VMS
176	VNC			VNC
177	VNR			VNR
178	VSA			VSA
179	VSM			VSM
180	VTH			VTH
181	VTZ			VTZ
182	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BBC			BBC
15	BCM			BCM
16	BFC			BFC
17	BHN			BHN
18	BIC			BIC
19	BID			BID
20	BKG			BKG
21	BMC			BMC
22	BMI			BMI
23	BMP			BMP
24	BRC			BRC
25	BSI			BSI
26	BSR			BSR
27	BTP			BTP
28	BTT			BTT
29	BVH			BVH
30	BWE			BWE
31	CCI			CCI
32	CCL			CCL
33	CDC			CDC
34	CHP			CHP

35	CII			CII
36	CLC			CLC
37	CLW			CLW
38	CMG			CMG
39	CMV			CMV
40	CNG			CNG
41	COM			COM
42	CRC			CRC
43	CSM			CSM
44	CSV			CSV
45	CTD			CTD
46	CTF			CTF
47	CTG			CTG
48	CTI			CTI
49	CTR			CTR
50	CTS			CTS
51	CVT			CVT
52	DAT			DAT
53	DBC			DBC
54	DBD			DBD
55	DBT			DBT
56	DC4			DC4
57	DCL			DCL
58	DCM			DCM
59	DGC			DGC
60	DGW			DGW
61	DHA			DHA
62	DHC			DHC
63	DHG			DHG
64	DHM	DHM		
65	DIG			DIG
66	DPG			DPG
67	DPM			DPM
68	DPR			DPR
69	DRC			DRC
70	DRL			DRL
71	DSC			DSC
72	DSN			DSN
73	DTA			DTA
74	DTT			DTT
75	DVP			DVP
76	DXG			DXG
77	E1VFN30			E1VFN30
78	EIB			EIB
79	ELC			ELC

80	EVF			EVF
81	FIR			FIR
82	FMC			FMC
83	FPT			FPT
84	FRT			FRT
85	FTS			FTS
86	FUEMAV30			FUEMAV30
87	FUESSV30			FUESSV30
88	FUESSVFL			FUESSVFL
89	FUEVFNND			FUEVFNND
90	FUEVN100			FUEVN100
91	GAS			GAS
92	GDT			GDT
93	GEE			GEE
94	GEG			GEG
95	GEX			GEX
96	GMD			GMD
97	GMH			GMH
98	GSP			GSP
99	GTA			GTA
100	GVR			GVR
101	HAH			HAH
102	HAP	HAP		
103	HAX			HAX
104	HCD			HCD
105	HCM			HCM
106	HDB			HDB
107	HDC			HDC
108	HDG			HDG
109	HHP			HHP
110	HHS			HHS
111	HHV			HHV
112	HMC			HMC
113	HPG			HPG
114	HQC			HQC
115	HRC			HRC
116	HSG			HSG
117	HSL			HSL
118	HTI			HTI
119	HTL			HTL
120	HTN			HTN
121	HTV			HTV
122	HUB			HUB
123	HVH			HVH
124	IDI			IDI

125	IJC			IJC
126	ILB			ILB
127	IMP			IMP
128	ITC			ITC
129	KBC			KBC
130	KDC			KDC
131	KDH			KDH
132	KHG			KHG
133	KHP			KHP
134	KMR			KMR
135	KOS			KOS
136	KSB			KSB
137	L10			L10
138	LAF			LAF
139	LBM			LBM
140	LCG			LCG
141	LGC			LGC
142	LHG			LHG
143	LIX			LIX
144	LM8			LM8
145	LPB			LPB
146	LSS			LSS
147	MBB			MBB
148	MCP			MCP
149	MIG			MIG
150	MSB			MSB
151	MSH			MSH
152	MSN			MSN
153	MWG			MWG
154	NAB			NAB
155	NAF			NAF
156	NAV			NAV
157	NBB			NBB
158	NCT			NCT
159	NHA			NHA
160	NHH			NHH
161	NHT			NHT
162	NKG			NKG
163	NLG			NLG
164	NNC			NNC
165	NSC			NSC
166	NTL			NTL
167	OCB			OCB
168	OPC			OPC
169	PAC			PAC

170	PAN			PAN
171	PC1			PC1
172	PDN			PDN
173	PDR			PDR
174	PET			PET
175	PGC			PGC
176	PGD			PGD
177	PGI			PGI
178	PHC			PHC
179	PHR			PHR
180	PJT			PJT
181	PLX			PLX
182	PNC			PNC
183	PNJ			PNJ
184	POW			POW
185	PPC			PPC
186	PTB			PTB
187	PVD			PVD
188	PVP			PVP
189	PVT			PVT
190	REE			REE
191	S4A			S4A
192	SAB			SAB
193	SAM			SAM
194	SBA			SBA
195	SBT			SBT
196	SCR			SCR
197	SCS			SCS
198	SFC			SFC
199	SFG			SFG
200	SFI			SFI
201	SGN			SGN
202	SGT			SGT
203	SHA			SHA
204	SHB			SHB
205	SHI			SHI
206	SHP			SHP
207	SIP			SIP
208	SJD			SJD
209	SJS			SJS
210	SKG			SKG
211	SMB			SMB
212	SRC			SRC
213	SSB			SSB
214	SSI			SSI

215	ST8			ST8
216	STB			STB
217	STG			STG
218	SVC			SVC
219	SVI			SVI
220	SVT			SVT
221	SZC			SZC
222	SZL			SZL
223	TBC			TBC
224	TCB			TCB
225	TCH			TCH
226	TCL			TCL
227	TCM			TCM
228	TCO			TCO
229	TCT			TCT
230	TDG			TDG
231	TDM			TDM
232	TDP			TDP
233	TDW			TDW
234	TEG			TEG
235	THG			THG
236	TIP			TIP
237	TIX			TIX
238	TLG			TLG
239	TMP			TMP
240	TMS			TMS
241	TN1			TN1
242	TNC			TNC
243	TNH	TNH		
244	TNT			TNT
245	TPB			TPB
246	TRA			TRA
247	TRC			TRC
248	TTA			TTA
249	TV2			TV2
250	TVS			TVS
251	TVT			TVT
252	UIC			UIC
253	VCB			VCB
254	VCF			VCF
255	VCG			VCG
256	VCI			VCI
257	VDP			VDP
258	VDS			VDS
259	VFG			VFG

260	VGC			VGC
261	VHC			VHC
262	VHM			VHM
263	VIB			VIB
264	VIC			VIC
265	VID			VID
266	VIP			VIP
267	VIX			VIX
268	VJC			VJC
269	VND			VND
270	VNG	VNG		
271	VNM			VNM
272	VNS			VNS
273	VOS	VOS		
274	VPB			VPB
275	VPD			VPD
276	VPG			VPG
277	VPI			VPI
278	VPS			VPS
279	VRC			VRC
280	VRE			VRE
281	VSC			VSC
282	VSJ			VSJ
283	VTO	VTO		
284	VTP			VTP
285	YBM			YBM
286	YEG			YEG

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://www.abs.vn/bao-cai-thang-gui-so-ck-vn-t08-2025/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này

-Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Người lập

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

